

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2023

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TÂN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh L

2. Bà Trần Thị N

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Tân T.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1995

Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện Tân T, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: anh Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1999

Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện Tân T, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Chị Phạm Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số

16/2021 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/02/2021. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng trong quan điểm, anh T1 không có trách nhiệm lo kinh tế gia đình. Chị T nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T1 nên đã sống ly thân với anh T1 từ năm 2022 đến nay. Hiện nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể nào hàn gắn được, cuộc sống chung của vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn T1 chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Huỳnh Văn T1: anh Huỳnh Văn T1 đã vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của anh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã T, huyện Tân T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Huỳnh Văn T1 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn T1 chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vào sổ đăng ký kết hôn số 16/2021 ngày 22/02/2021 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Chị Phạm Thị Thanh T trình bày trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh T1 chung sống với nhau không có hạnh phúc, do luôn bất đồng trong quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể sống hòa thuận và hạnh phúc được nữa. Chính vì vậy, chị T và anh T1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh T1 không liên lạc, quan tâm lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh T1 đã thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh không đồng ý thể hiện bằng văn bản, không đồng ý đến Tòa án và đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án mời giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Phạm Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn T1 không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập

[2.3] Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 cũng không có ý kiến, yêu cầu về tài sản chung nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T: Chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với anh Huỳnh Văn T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004438 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Tân T sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân Tân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc A